

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2011/NQ-HĐND

Bình Định, ngày 18 tháng 8 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân
tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2011 - 2016**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành Quy chế hoạt động của HĐND;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 23/TTr-HĐND ngày 09/8/2011 về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2011 - 2016 và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định, nhiệm kỳ 2011 - 2016 *(có Quy chế cụ thể kèm theo)*.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu HĐND tỉnh để hoàn chỉnh và ban hành Quy chế.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được thông qua tại kỳ họp thứ 2 Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XI./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Tùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XI, NHIỆM KỲ 2011 - 2016**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 33/2011/NQ-HĐND ngày 18/8/2011
của HĐND tỉnh)*

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND đã được kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XI thông qua ngày 26/11/2003; Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI ban hành Quy chế hoạt động của HĐND.

Quy chế này quy định cụ thể về hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, đại biểu và Tổ đại biểu HĐND tỉnh Bình Định khóa XI, nhiệm kỳ 2011-2016.

Chương 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của nhân dân, do nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định những chủ trương, biện pháp quan trọng để phát huy tiềm năng của tỉnh nhà, xây dựng và phát triển kinh tế – xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh, làm tròn nghĩa vụ của tỉnh đối với cả nước.

Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, TAND, VKSND tỉnh; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐND; giám sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan

nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và của công dân trong toàn tỉnh.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo Hiến pháp, luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường pháp chế XHCN, ngăn ngừa và chống các biểu hiện quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, vô trách nhiệm và các biểu hiện tiêu cực khác của cán bộ, công chức và trong bộ máy chính quyền địa phương.

Điều 3. Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, UBND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh thực hiện Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Quy chế hoạt động của HĐND được ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI, các quy định khác của pháp luật và những quy định cụ thể của Quy chế này.

Điều 4.

1. Nhiệm kỳ của HĐND, Thường trực HĐND, UBND, các Ban của HĐND theo quy định tại điểm 1 và 2 Điều 6 của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh chịu sự giám sát và hướng dẫn hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chịu sự hướng dẫn và kiểm tra của Chính phủ trong việc thực hiện các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp HĐND, hiệu quả hoạt động của Thường trực HĐND, UBND, các Ban của HĐND và của tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh.

Chương 2

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN HĐND VÀ TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

I. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HĐND TỈNH

Điều 5. Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; trong việc thực hiện chính sách dân tộc và chính sách tôn giáo; trong lĩnh vực thi hành pháp luật, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính theo quy định từ Điều 11 đến Điều 17 của Chương II của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 và theo các quy định khác của pháp luật.

II. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

Điều 6.

1. Thường trực HĐND tỉnh do HĐND bầu ra trong số các đại biểu HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực. Thành viên của Thường trực HĐND tỉnh không đồng thời là thành viên của UBND tỉnh. Các thành viên Thường trực HĐND tỉnh được HĐND tỉnh bầu phải được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn.

2. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 53 của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, các quy định hiện hành khác có liên quan của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của pháp luật và quy định của Quy chế này.

Phân công các Ban của HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo thẩm quyền, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh.

Thường trực HĐND tỉnh hoạt động thường xuyên theo nguyên tắc tập trung dân chủ, bảo đảm việc tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác của mình trước HĐND tỉnh và báo cáo về tình hình tổ chức và các hoạt động của HĐND tỉnh lên Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

3. Các thành viên Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh trước HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực HĐND tỉnh phân công. Thường trực HĐND tỉnh ban hành văn bản cá biệt để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh, thay mặt Thường trực HĐND tỉnh giữ mối liên hệ với UBND tỉnh, các cơ

quan nhà nước, giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh, đơn vị hữu quan.

Chủ tịch HĐND tỉnh phân công nhiệm vụ cụ thể cho Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, bảo đảm cho Thường trực HĐND tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

Khi Chủ tịch HĐND tỉnh vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND tỉnh. Khi Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND tỉnh vắng mặt thì Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.

Khi khuyết Chủ tịch HĐND tỉnh thì Phó Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐND tỉnh cho đến khi HĐND tỉnh bầu được Chủ tịch HĐND tỉnh mới. Khi khuyết cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND tỉnh thì Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐND tỉnh cho đến khi HĐND tỉnh bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh mới.

Điều 7. Trong việc chuẩn bị, triệu tập kỳ họp HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh và các cơ quan có liên quan chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp.

Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh được mời dự cuộc họp này.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp HĐND tỉnh, công bố dự kiến về ngày họp, nơi họp, nội dung chương trình kỳ họp trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân biết chậm nhất là 05 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương để báo cáo tại kỳ họp HĐND tỉnh.

4. Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh và tổng hợp trả lời chất vấn của UBND tỉnh và các ngành chức năng giữa 02 kỳ họp HĐND tỉnh.

5. Đôn đốc các cơ quan, tổ chức hữu quan gửi tài liệu kỳ họp đúng thời hạn quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 và quy định cụ thể tại Điều 8 quy chế hoạt động của HĐND ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI.

6. Phân công các Ban của HĐND tỉnh, Thư ký kỳ họp và các cơ quan liên quan chuẩn bị và kiểm tra thể thức, nội dung dự thảo các nghị quyết của kỳ họp HĐND tỉnh. Dự thảo nội dung các nghị quyết phải gửi Thường trực HĐND tỉnh trước khi gửi cho đại biểu HĐND tỉnh.

7. Phân công các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra nội dung các báo cáo, đề án trình tại kỳ họp HĐND tỉnh. Dự thảo Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh tham gia ý kiến trước khi Ban thông qua thành viên Ban của HĐND tỉnh.

Điều 8. Trong việc chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Điều hành các phiên họp theo chương trình đã được HĐND tỉnh thông qua; đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình khi cần thiết;

2. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại phiên họp của HĐND tỉnh hoặc cuộc họp Tổ đại biểu HĐND tỉnh;

3. Bảo đảm việc thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp được nhiều ý kiến; lấy biểu quyết về những vấn đề còn có ý kiến khác nhau. Dành thời gian thỏa đáng cho việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp;

4. Chỉ đạo các cơ quan trình đề án, báo cáo hoặc Thư ký kỳ họp tổng hợp ý kiến của đại biểu và tiếp thu chính lý của đa số đại biểu HĐND tỉnh và phù hợp với pháp luật.

5. Điều hành để HĐND biểu quyết thông qua nghị quyết, báo cáo, đề án.

Điều 9. Trong việc tiếp dân, đôn đốc, kiểm tra và xem xét tình hình giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Tổ chức và phân công thành viên của Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh tiếp công dân; tiếp nhận các đơn thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân, đồng thời chuyển đến các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết mời UBND địa phương và các cơ quan nhà nước có liên quan cùng dự tiếp công dân.

Thường trực HĐND tỉnh cũng có thể thống nhất với UBND tỉnh để tổ chức cùng tiếp công dân theo định kỳ.

2. Giúp HĐND tỉnh xem xét việc giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân cũng như ý kiến phản ánh và kiến nghị của các cơ quan thông tin đại chúng, cơ quan chức năng khác có thẩm quyền đối với hoạt động của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh.

3. Đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải sớm xem xét, giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân; đồng thời báo cáo bằng văn bản để Thường trực HĐND tỉnh biết kết quả giải quyết theo thời hạn luật định. Định kỳ 6 tháng Thường trực HĐND tỉnh báo cáo tình hình đơn, thư và cách giải quyết của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong việc giải quyết các kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của tổ chức và công dân cho HĐND tỉnh.

4. Báo cáo và kiến nghị với Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan, tổ chức cấp trên xem xét giải quyết các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của tổ chức và công dân.

Điều 10. Trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát UBND cùng cấp, các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Yêu cầu UBND cùng cấp và các cơ quan khác của Nhà nước ở địa phương báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh;

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh các chế độ, chủ trương chính sách của Nhà nước cấp trên. Trong công tác kiểm tra, giám sát có thể giám sát theo chuyên đề mới hoặc tái kiểm tra, giám sát. Trong trường hợp cần thiết trình HĐND tỉnh ra nghị quyết về thực hiện các kiến nghị yêu cầu sau giám sát.

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của HĐND, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân địa phương thì Thường trực HĐND tỉnh có quyền yêu cầu UBND tỉnh hoặc cơ quan nhà nước hữu quan ở địa phương áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND tỉnh.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh có thể trình ra kỳ họp gần nhất của HĐND tỉnh hoặc triệu tập kỳ họp bất thường để HĐND tỉnh xem xét, quyết định;

4. Phối hợp với UBND tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh; xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 11. Trong việc điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Phân công Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh;

2. Phân công Ban tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và một số công việc khác;

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND và Thường trực HĐND tỉnh;

4. Điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động; tránh chồng chéo, trùng lặp.

5. Tham dự cuộc họp của các Ban HĐND tỉnh;

6. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp hàng tháng của Thường trực HĐND tỉnh với các Trưởng ban, Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh (hoặc giữa Thường trực HĐND tỉnh với Trưởng các Ban của HĐND tỉnh);

7. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND, các Ban của HĐND tỉnh bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND ở địa phương.

Điều 12. Trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu HĐND tỉnh tổ chức để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri cũng như bàn chương trình công tác của Tổ đại biểu, đánh giá hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh.

2. Phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do đại biểu HĐND tỉnh chuyển đến để chuyển tới

các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan nghiên cứu giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo trước HĐND tỉnh những ý kiến, kiến nghị đó và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức hữu quan;

3. Tổ chức đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của HĐND và UBND, các văn bản quy phạm pháp luật khác, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 13. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn công tác của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn công tác của Chính phủ khi về địa phương công tác.

Thường trực HĐND tỉnh gửi báo cáo hàng quý, sáu tháng và cả năm về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

Điều 14. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn trong các vấn đề sau:

1. Giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn ĐBQH ở địa phương. Định kỳ ba tháng một lần, Thường trực HĐND tỉnh cùng với Đoàn ĐBQH nghe UBND tỉnh, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của địa phương báo cáo về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân do đại biểu Quốc hội, Đoàn ĐBQH, Thường trực HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh chuyển đến.

2. Có thể tổ chức giao ban, hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động giữa Thường trực HĐND tỉnh với Thường trực HĐND các huyện, thành phố.

3. Phối hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND, các Ban của HĐND nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh.

4. Phối hợp với UBND tỉnh tổ chức nghiên cứu, quán triệt Luật Tổ chức HĐND và UBND; Quy chế hoạt động của HĐND tỉnh; các chủ trương, chính sách của nhà nước, các văn bản pháp luật khác cho đại biểu HĐND tỉnh.

5. Thường trực HĐND tỉnh phân công lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh và các chuyên viên tham dự các cuộc họp có liên quan của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, mặt trận, hội, đoàn thể và các địa phương (huyện, xã) để nắm tình hình triển khai, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết của HĐND tỉnh.

6. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm xem xét, quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu HĐND cấp huyện, cấp xã theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu HĐND hiện hành. Xem xét, quyết định việc bầu cử bổ sung và chuẩn y kết quả bầu cử bổ sung Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Ủy viên Thường trực HĐND cấp huyện trong tỉnh.

Điều 15. Thường trực HĐND tỉnh mỗi tháng họp ít nhất 01 lần để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ của mình, việc thực hiện nghị quyết của HĐND, các quyết định của Thường trực HĐND tỉnh, nghe phản ánh các ý kiến, kiến nghị của cử tri và đề ra nhiệm vụ công tác tháng sau.

Các Trưởng hoặc Phó trưởng các Ban của HĐND tỉnh, đại diện UBND, UBMTTQVN tỉnh. Thường trực HĐND các huyện, thành phố, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, đại diện các đoàn thể nhân dân có thể được mời dự các cuộc họp này khi bàn đến vấn đề có liên quan.

Người được mời dự cuộc họp được phát biểu ý kiến về các nội dung của cuộc họp nhưng không có quyền biểu quyết.

Chủ tịch HĐND tỉnh chủ trì cuộc họp của Thường trực HĐND tỉnh. Khi Chủ tịch HĐND tỉnh vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐND tỉnh chủ trì.

I. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BAN HĐND TỈNH

Điều 16. Nhiệm vụ chung của các Ban HĐND tỉnh

1. Các Ban của HĐND tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh.

2. Các thành viên Ban của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban của HĐND tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

3. Thành viên ban kiêm nhiệm mỗi tháng hoạt động cho Ban ít nhất 03 ngày. Nội dung, công việc do Trưởng ban thống nhất và phân công.

4. Các Ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi các cơ quan này về công tác ở địa phương.

5. Ban của HĐND tỉnh cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc thành viên tham gia hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh khi Thường trực HĐND tỉnh yêu cầu.

6. Hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh chịu sự phân công, điều hòa, phối hợp của Thường trực HĐND tỉnh để bảo đảm hoạt động đồng bộ; đồng thời các Ban báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh về chương trình và kết quả hoạt động.

7. Các Ban khi thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, khảo sát ngoài thành viên của Ban có thể mời một số cộng tác viên, Thường trực HĐND hoặc lãnh đạo các Ban có liên quan ở địa phương, đại biểu HĐND tỉnh được bầu ở địa bàn nơi Ban đến làm việc tham gia các hoạt động với Ban.

Điều 17.

1. Căn cứ vào chương trình hoạt động của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh xây dựng chương trình công tác của mình.

2. Ban của HĐND họp ít nhất mỗi quý một lần để kiểm điểm việc thực hiện chương trình công tác của Ban, bàn công tác tháng, quý và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

Điều 18. Ngoài nhiệm vụ chung của các Ban HĐND tỉnh tại Điều 16 và 17 nêu trên tại Quy định này, Ban Kinh tế và Ngân sách của HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;

3. Giúp HĐND tỉnh giám sát hoạt động của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường tại địa phương;

5. Kiến nghị với HĐND tỉnh về những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế, ngân sách, khoa học, công nghệ, tài nguyên và môi trường;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh.

Điều 19. Ngoài nhiệm vụ chung của các Ban HĐND tỉnh tại Điều 16 và 17 nêu trên tại Quy định này, Ban Văn hóa - Xã hội của HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo do HĐND hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;

3. Giúp HĐND tỉnh giám sát hoạt động của UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh về lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh về lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo tại địa phương;

5. Kiến nghị với HĐND tỉnh về những vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế, xã hội, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao và chính sách tôn giáo;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh.

Điều 20. Ngoài nhiệm vụ chung của các Ban HĐND tỉnh tại Điều 16 và 17 nêu trên tại Quy định này, Ban Pháp chế của HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính;

2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;

3. Giúp HĐND tỉnh giám sát hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; giám sát hoạt động của UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;

4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực thi hành pháp luật, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;

5. Tham gia xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giáo dục pháp luật và kiến nghị với HĐND tỉnh về những biện pháp bảo đảm việc thi hành pháp luật ở địa phương;

6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh.

Điều 21. Ngoài nhiệm vụ chung của các Ban HĐND tỉnh tại Điều 16 và 17 nêu trên tại Quy định này, Ban Dân tộc của HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp của HĐND tỉnh liên quan đến lĩnh vực dân tộc;
2. Thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án liên quan đến việc thực hiện chính sách dân tộc do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;
3. Giúp HĐND tỉnh giám sát hoạt động của UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh về lĩnh vực dân tộc; giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND tỉnh về lĩnh vực dân tộc;
4. Tổ chức khảo sát tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực dân tộc tại địa phương;
5. Kiến nghị với HĐND tỉnh về những vấn đề thuộc lĩnh vực dân tộc;
6. Báo cáo kết quả hoạt động giám sát với Thường trực HĐND tỉnh và HĐND tỉnh.

Điều 22.

1. Các Ban của HĐND tỉnh chịu trách nhiệm thẩm tra các báo cáo, đề án về những lĩnh vực thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban. Ngoài ra, các Ban của HĐND tỉnh còn thẩm tra các báo cáo, đề án theo sự phân công của HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh.

Trình tự thẩm tra thực hiện theo Khoản 2 Điều 36 Nghị quyết 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI.

2. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, các Ban của HĐND tỉnh có thể cử thành viên tham gia ngay từ đầu trong quá trình nghiên cứu soạn thảo báo cáo, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo và các cơ quan hữu quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban cần thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế ở các địa phương, cơ sở về những nội dung liên quan đến báo cáo, đề án.

3. Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh do Trưởng ban trình bày trước kỳ họp HĐND tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm tra của Ban phải nêu được ý kiến đánh giá về những ưu điểm và hạn chế của báo cáo, đề án; những vấn đề

được Ban nhất trí, những vấn đề Ban không nhất trí và còn có ý kiến khác nhau; những kiến nghị sửa đổi, bổ sung làm cơ sở để HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐẠI BIỂU, TỔ ĐẠI BIỂU HĐND

Điều 23.

1. Đại biểu HĐND tỉnh là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân; không chỉ đại diện cho nhân dân ở đơn vị bầu ra mình mà còn đại diện cho nhân dân toàn tỉnh; là người thay mặt cho nhân dân tham gia thực hiện quyền lực nhà nước ở địa phương.

Đại biểu HĐND tỉnh chịu trách nhiệm trước cử tri và trước HĐND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình; gương mẫu chấp hành pháp luật, luật, chính sách của Nhà nước; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện pháp luật, chính sách và tham gia vào việc quản lý nhà nước; sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Nhiệm kỳ của đại biểu HĐND tỉnh khóa XI bắt đầu từ kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh khóa XI cho đến kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh khóa XII.

Đại biểu HĐND tỉnh được bầu bổ sung bắt đầu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND tỉnh kỳ họp sau cuộc bầu cử bổ sung đến kỳ họp thứ nhất của HĐND tỉnh khóa XII.

Điều 24. Đại biểu HĐND tỉnh có nhiệm vụ tham gia quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh theo quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 (từ Điều 11 đến Điều 17), các quy định khác của pháp luật và theo quy định cụ thể của Quy chế này.

1. Đại biểu HĐND tỉnh có nhiệm vụ tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của HĐND, tham gia các cuộc thảo luận ở Tổ, họp chung ở hội trường, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh; chấp hành nội quy của kỳ họp.

2. Đại biểu HĐND tỉnh tham gia các hoạt động của các Ban của HĐND tỉnh mà mình là thành viên và các hoạt động khác của HĐND tỉnh. Đại biểu

nào không tham dự được phải có lý do và báo cáo xin phép trước với Thường trực HĐND tỉnh hoặc người chủ trì cuộc họp.

3. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự các kỳ họp HĐND huyện (thành phố) ở đơn vị bầu ra mình; nếu không tham dự được phải báo cáo trước với Thường trực HĐND huyện, thành phố.

4. Trước mỗi kỳ họp của HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh phải tiếp xúc cử tri, thông báo nội dung, chương trình kỳ họp và thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri.

5. Sau mỗi kỳ họp HĐND tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh phải thực hiện việc tiếp xúc cử tri theo quy định của Quy chế này.

Điều 25.

1. Đại biểu HĐND tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri ở đơn vị bầu ra mình; chịu sự giám sát của cử tri; phải thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng của cử tri; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân; thực hiện chế độ tiếp xúc cử tri và mỗi năm một lần báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của HĐND tỉnh; trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

2. Khi nhận được thông báo dự kiến về nội dung, chương trình và thời gian của từng kỳ họp do Thường trực HĐND tỉnh gửi đến, đại biểu HĐND tỉnh phải nghiên cứu tài liệu, tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh phân công, nắm chắc tình hình ở địa phương và nguyện vọng của cử tri, chuẩn bị ý kiến tham gia tại kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Sau mỗi lần tiếp xúc cử tri, đại biểu HĐND tỉnh phản ánh bằng văn bản các ý kiến, kiến nghị của cử tri và ý kiến đề xuất của mình cho Thường trực HĐND tỉnh.

4. Khi nhận được kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm nghiên cứu, trực tiếp yêu cầu hoặc thông qua Thường trực HĐND tỉnh để yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời theo dõi, đôn đốc việc giải quyết. Cơ quan có thẩm quyền phải xem xét, giải quyết và trả lời cho người đã kiến nghị, đồng thời báo cáo cho Thường trực HĐND tỉnh kết quả giải quyết và thông báo bằng văn bản kết quả giải quyết cho đại biểu HĐND tỉnh biết để báo cáo lại với cử tri.

5. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia cùng với Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hiến pháp, luật và các văn bản của các cơ quan nhà nước cấp trên và

ng nghị quyết của HĐND tỉnh; khảo sát thực tế ở cơ sở, góp phần chuẩn bị nội dung cho kỳ họp và tham gia thảo luận, quyết định các nội dung trình kỳ họp HĐND tỉnh.

Điều 26. Trong kỳ họp HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Tham gia thảo luận và quyết định chương trình làm việc của kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Thảo luận tại phiên họp toàn thể và thảo luận ở Tổ đại biểu HĐND về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình của kỳ họp.

3. Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp và các nghị quyết của kỳ họp theo sự hướng dẫn, điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Nếu không nhất trí với sự biểu quyết của đa số đại biểu HĐND tỉnh thì có quyền bảo lưu ý kiến đó, nhưng phải chấp hành và thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh đã thông qua và không được truyền bá những nội dung, quan điểm trái với tinh thần của nghị quyết HĐND tỉnh.

4. Thực hiện việc chất vấn người đứng đầu các cơ quan nhà nước theo quy định tại Điều 41 Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003 trong kỳ họp và giữa 2 kỳ họp.

5. Ý kiến phát biểu của đại biểu HĐND tỉnh được Thư ký ghi vào biên bản của kỳ họp.

Điều 27.

1. Đại biểu HĐND tỉnh có quyền chất vấn Chủ tịch HĐND, Chủ tịch và các thành viên khác của UBND tỉnh, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND tỉnh, người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh. Chất vấn của đại biểu HĐND tỉnh phải ghi rõ họ tên, địa chỉ người hoặc cơ quan bị chất vấn và nội dung chất vấn. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời đầy đủ, kịp thời các vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh chất vấn.

2. Trong thời gian HĐND tỉnh họp, việc chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành theo trình tự sau đây:

a. Đại biểu HĐND gửi chất vấn đến Thường trực HĐND tỉnh để chuyển đến người bị chất vấn.

b. Người bị chất vấn trả lời trước kỳ họp HĐND tỉnh những vấn đề mà đại biểu chất vấn.

c. Nội dung trả lời chất vấn phải cụ thể, rõ ràng, nêu rõ đúng, sai và đề ra biện pháp khắc phục.

d. Đại biểu HĐND tỉnh có thể nêu câu hỏi liên quan đến nội dung đã chất vấn để người bị chất vấn trả lời.

đ. Thời gian trả lời chất vấn do Chủ tọa kỳ họp quy định hoặc đề nghị HĐND quyết định (tùy theo tính chất của nội dung chất vấn).

Trong trường hợp cần thẩm tra, xác minh thì HĐND tỉnh có thể quyết định cho trả lời tại kỳ họp sau của HĐND hoặc cho trả lời bằng văn bản gửi đại biểu đã chất vấn và Thường trực HĐND tỉnh.

3. Trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh, việc chất vấn và trả lời chất vấn được tiến hành theo trình tự sau đây:

a. Đại biểu HĐND tỉnh gửi chất vấn đến Thường trực HĐND tỉnh để chuyển chất vấn đến người bị chất vấn xem xét, trả lời và quyết định thời hạn trả lời chất vấn;

b. Người bị chất vấn có trách nhiệm trả lời chất vấn bằng văn bản cho đại biểu HĐND tỉnh đã chất vấn và Thường trực HĐND tỉnh. Thời hạn trả lời chất vấn chậm nhất không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến chất vấn. Nếu cần phải có thêm thời gian để thẩm tra, xác minh thì cơ quan hoặc người bị chất vấn phải có văn bản báo trước.

Trong trường hợp chưa thỏa mãn với nội dung trả lời chất vấn, đại biểu HĐND tỉnh có quyền đề nghị Thường trực HĐND tỉnh đưa ra thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh. Khi cần thiết, HĐND tỉnh ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn và trách nhiệm của người bị chất vấn.

Điều 28.

1. Đại biểu HĐND tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân kịp thời chấm dứt những việc làm trái pháp luật, chính sách của nhà nước trong cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc của nhân viên cơ quan, tổ chức, đơn vị đó.

2. Đại biểu HĐND tỉnh có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước về việc thi hành pháp luật, chính sách nhà nước và về những vấn đề thuộc lợi ích chung. Cơ quan hữu quan có trách nhiệm trả lời kiến nghị của đại biểu.

3. Người đứng đầu cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân có trách nhiệm tiếp đại biểu HĐND tỉnh để tìm hiểu hoặc giải quyết những vấn đề liên quan đến cơ quan, tổ chức của mình khi đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

4. Đại biểu HĐND tỉnh có quyền đề nghị HĐND tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu.

Điều 29.

1. Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức ở các cơ quan, địa phương, cơ sở trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp tư liệu, thông tin, bảo đảm nơi tiếp xúc cử tri và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận tạo điều kiện thuận lợi để đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của nhân dân với HĐND tỉnh.

Điều 30.

1. Trong thời gian HĐND tỉnh họp, nếu không được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp thì không được bắt giữ đại biểu HĐND tỉnh. Nếu vì phạm tội quả tang phải tạm giữ thì cơ quan ra lệnh tạm giữ phải báo cáo ngay với Chủ tọa kỳ họp.

2. Trong thời gian giữa 2 kỳ họp HĐND tỉnh, nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra lệnh tạm giữ đại biểu HĐND tỉnh thì phải thông báo cho Chủ tịch HĐND tỉnh biết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 31.

1. Đại biểu HĐND tỉnh có thể xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu vì lý do sức khỏe hoặc vì lý do khác mà không thể đảm đương được nhiệm vụ đại biểu thì làm đơn gửi Thường trực HĐND tỉnh để Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

2. Đại biểu HĐND tỉnh không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân thì tùy mức độ sai phạm mà bị HĐND tỉnh hoặc cử tri ở đơn vị bầu ra đại biểu bãi nhiệm. Thường trực HĐND tỉnh và UBND tỉnh quyết định việc đưa ra HĐND hoặc cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND theo đề nghị của UBMTTQVN tỉnh.

3. Trong trường hợp HĐND tỉnh bãi nhiệm đại biểu HĐND thì việc bãi nhiệm phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết tán thành.

4. Trong trường hợp đưa ra cử tri bãi nhiệm đại biểu HĐND thì việc bãi nhiệm được tiến hành theo thể thức do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định.

Điều 32.

1. Trong trường hợp đại biểu HĐND tỉnh bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Thường trực HĐND tỉnh quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND đó.

2. Đại biểu HĐND tỉnh phạm tội, bị Tòa án kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên mất quyền đại biểu HĐND.

Điều 33.

1. Các đại biểu HĐND tỉnh được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành Tổ đại biểu HĐND. Số lượng, danh sách thành viên của Tổ đại biểu HĐND, Tổ trưởng, Tổ phó do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Thư ký của Tổ đại biểu HĐND tỉnh do Tổ thống nhất cử trong số đại biểu HĐND tỉnh trong tổ.

2. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu HĐND, Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện những việc được phân công.

3. Các đại biểu HĐND tỉnh trong Tổ có nhiệm vụ chấp hành thực hiện chương trình công tác và sự phân công của Tổ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 34.

1. Ít nhất ba tháng một lần, Tổ đại biểu HĐND tỉnh họp để bàn kế hoạch công tác, phân công đại biểu tiếp dân, kiểm điểm kết quả hoạt động của các đại biểu trong tổ và tổ chức nghiên cứu pháp luật, chính sách của nhà nước.

2. Trước kỳ họp HĐND tỉnh ít nhất 25 ngày, Tổ đại biểu phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN, Thường trực HĐND và UBND ở đơn vị nơi bầu ra đại biểu để tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri. Sau khi tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu họp để nghe đại biểu HĐND tỉnh phản ánh tình hình tiếp xúc và những kiến nghị của cử tri; nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho

kỳ họp, Tổ đại biểu HĐND làm báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

3. Các cuộc họp Tổ đại biểu HĐND tỉnh phải ghi vào sổ biên bản. Biên bản các cuộc họp của Tổ đại biểu HĐND tỉnh gửi đến Thường trực HĐND tỉnh và được lưu giữ tại Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh.

Điều 35. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, Tổ đại biểu HĐND phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN, Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố tổ chức đề các đại biểu HĐND tỉnh báo cáo kết quả kỳ họp với cử tri ở đơn vị bầu cử; phổ biến nghị quyết của HĐND, vận động nhân dân cùng thực hiện nghị quyết đã ban hành và báo cáo kết quả giải quyết các kiến nghị của cử tri.

Chương III

KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 36.

1. Hội đồng nhân dân tỉnh họp thường lệ mỗi năm hai kỳ. Trong trường hợp cần thiết, HĐND tổ chức các kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

2. Buổi khai mạc và buổi bế mạc kỳ họp HĐND tỉnh đại biểu HĐND tỉnh mặc trang phục lễ phục.

3. Kỳ họp HĐND tỉnh chỉ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh tham dự.

4. HĐND tỉnh thảo luận và ra nghị quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại các kỳ họp HĐND tỉnh.

5. Thường trực HĐND tỉnh mời các đại biểu Quốc hội được bầu ở địa phương, Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh, người đứng đầu các đoàn thể cấp tỉnh, Chánh án TAND tỉnh, Viện trưởng VKSND tỉnh, thành viên UBND tỉnh và các sở, ban, ngành cơ quan có liên quan tham dự kỳ họp HĐND tỉnh. Đại biểu được mời dự kỳ họp HĐND tỉnh có thể được Chủ tọa kỳ họp mời phát biểu ý kiến, nhưng không biểu quyết.

6. Các cơ quan thông tin, báo chí ở địa phương được mời dự và đưa tin các phiên họp công khai của HĐND tỉnh.

7. HĐND tỉnh họp công khai. Khi cần thiết, HĐND tỉnh quyết định họp kín theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp hoặc của Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Phiên khai mạc, chất vấn và trả lời chất vấn, bế mạc cuộc họp công khai của HĐND tỉnh có thể được phát thanh và truyền hình trực tiếp.

Điều 37.

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định triệu tập và gửi dự kiến chương trình kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc bất thường chậm là 10 ngày và thông báo cho nhân dân biết về ngày họp, nơi họp và chương trình của kỳ họp chậm nhất là 05 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp.

2. UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh chuẩn bị các nội dung liên quan đến kỳ họp. Các tờ trình và đề án UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phải gửi cho Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp. Đối với các báo cáo theo định kỳ và đề án phát sinh bổ sung phải gửi trước cho Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh ít nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh để Thường trực HĐND tỉnh xem xét và các Ban của HĐND tỉnh có thời gian thẩm tra.

Trường hợp các tờ trình về nội dung các đề án, kế hoạch UBND tỉnh và kèm theo dự thảo nghị quyết các cơ quan chức năng gửi không đúng thời gian quy định nêu trên, không đảm bảo công tác thẩm tra thì Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh không đưa vào chương trình kỳ họp và báo cáo cho HĐND tỉnh.

3. Tài liệu cần thiết của kỳ họp Thường trực HĐND tỉnh gửi đến đại biểu HĐND tỉnh chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

4. Chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến UBND tỉnh, các cơ quan nhà nước có liên quan để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước HĐND tỉnh tại kỳ họp.

5. Cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh phải tổ chức kỳ họp để tổng kết đánh giá kiểm điểm hoạt động của cả nhiệm kỳ HĐND, Thường trực HĐND, UBND tỉnh, các Ban của HĐND, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

Cuộc họp cuối nhiệm kỳ để tổng kết hoạt động của cả nhiệm kỳ HĐND tỉnh được tổ chức chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu HĐND khóa mới.

Điều 38. Thời gian, nội dung, chương trình phiên họp đầu tiên của kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh: Thực hiện theo Quy định tại Điều 49 và 51 của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI, hướng dẫn của các cơ quan thuộc Quốc hội.

Điều 39. Thư ký kỳ họp của mỗi khóa HĐND có nhiệm vụ:

1. Lập danh sách đại biểu HĐND tỉnh có mặt, vắng mặt (có lý do, không lý do) trong các phiên họp và trong cả kỳ họp;
2. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;
3. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu và thảo luận của đại biểu trong phiên họp Tổ và phiên họp toàn thể tại Hội trường;
4. Giúp Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với các Ban của HĐND tỉnh và các cơ quan hữu quan chính lý dự thảo nghị quyết và các văn bản khác để trình HĐND tỉnh theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.
5. Trình bày dự thảo các nghị quyết kỳ họp theo sự điều hành của Chủ tọa kỳ họp .
6. Giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp.

Điều 40. HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo trình tự sau đây:

1. Đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chuẩn bị nội dung theo chương trình kỳ họp trình bày dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước HĐND tỉnh;
2. Trưởng ban của HĐND tỉnh được giao thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình bày báo cáo thẩm tra về báo cáo, đề án đó.
3. HĐND tỉnh thảo luận tại tổ hoặc tại hội trường theo hướng dẫn của Chủ tọa kỳ họp.
4. Trong quá trình thảo luận tại phiên họp toàn thể, Chủ tọa có thể nêu những vấn đề còn có ý kiến khác nhau để Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Khi cần thiết, HĐND tỉnh yêu cầu cơ quan hữu quan báo cáo về những

vấn đề mà đại biểu HĐND tỉnh quan tâm. Chủ tọa hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân có thể đề nghị kết thúc việc thảo luận bằng cách biểu quyết. Khi vấn đề đã được nêu ra để lấy biểu quyết và được đa số đại biểu HĐND tỉnh tán thành thì việc thảo luận kết thúc. Chủ tọa kết luận và được đa số đại biểu HĐND tỉnh nhất trí thì giao cho cơ quan hoặc người trình báo cáo, đề án tiếp thu, chỉnh lý lại báo cáo, đề án.

5. HĐND tỉnh biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án bằng một trong hai cách sau: biểu quyết từng vấn đề, sau đó biểu quyết toàn bộ hoặc nghe đọc toàn văn rồi đại biểu góp ý kiến, sau đó biểu quyết theo điều hành của Chủ tọa kỳ họp. Quyết định thông qua báo cáo, đề án của HĐND tỉnh được thể hiện bằng nghị quyết của HĐND tỉnh.

Điều 41.

1. Nghị quyết của HĐND phải được quá nửa tổng số đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết tán thành. Trường hợp bãi nhiệm đại biểu HĐND tỉnh phải được hai phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh biểu quyết tán thành.

2. Việc biểu quyết bằng cách giơ tay, bỏ phiếu kín hoặc bằng cách khác theo đề nghị của Chủ tọa phiên họp và do HĐND tỉnh quyết định.

3. Nghị quyết và Biên bản các phiên họp, kỳ họp HĐND tỉnh do Chủ tịch HĐND tỉnh ký chứng thực.

4. Nghị quyết và Biên bản các phiên họp của HĐND tỉnh khóa XI tại kỳ họp thứ nhất khi chưa bầu được Chủ tịch HĐND tỉnh khóa mới do Chủ tịch HĐND tỉnh khóa X ký chứng thực. Trong trường hợp Chủ tịch HĐND tỉnh vắng mặt thì Chủ tọa phiên họp ký chứng thực nghị quyết và các biên bản của phiên họp HĐND.

5. Chậm nhất là 10 ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết và biên bản của kỳ họp HĐND tỉnh phải được Thường trực HĐND tỉnh gửi lên Ủy ban thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

6. Nghị quyết của HĐND phải được gửi đến các cơ quan liên quan để thực hiện và giám sát việc triển khai thực hiện. Việc công bố nghị quyết của HĐND tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết và lưu trữ do Thường trực HĐND tỉnh quyết định theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND.

Chương IV**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND TỈNH, THƯỜNG TRỰC
HĐND,****CÁC BAN CỦA HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH**

Điều 42. Hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 81 của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003, các văn bản hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và theo quy định khác của pháp luật.

Điều 43.

1. Thường trực HĐND có quyền giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND, hoạt động của TAND, VKSND cùng cấp; giám sát cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và công dân trong việc thi hành Hiến pháp, luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và các nghị quyết của HĐND cùng cấp.

2. Thường trực HĐND tỉnh giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a. Tổ chức Đoàn giám sát: Đoàn Giám sát có thể do đại diện Thường trực HĐND tỉnh làm Trưởng đoàn; có thể phân công lãnh đạo Ban chức năng phù hợp nội dung, chuyên đề giám sát làm Trưởng đoàn.

b. Xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

c. Xem xét kết quả giám sát của các Ban của HĐND; tổng hợp kết quả giám sát trình HĐND;

d. Xem xét việc trả lời chất vấn trong trường hợp người bị chất vấn được HĐND cho phép trả lời bằng văn bản gửi đến Thường trực HĐND tỉnh;

e. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND cùng cấp, nghị quyết của HĐND cấp dưới trực tiếp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp để trình HĐND.

Điều 44. Trong hoạt động giám sát, kiểm tra, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm, quyền hạn sau:

1. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hàng quý, hàng năm của mình căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND và ý kiến của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh, đề nghị của các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, UBMTTQVN tỉnh và ý kiến, kiến nghị của cử tri ở địa phương. Chương trình giám sát hàng quý được Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định vào tuần đầu tiên của tháng đầu tiên của quý đó; chương trình giám sát hàng năm được Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định chậm nhất là mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc kỳ họp cuối năm trước của HĐND tỉnh.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát, Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a. Trong quá trình giám sát nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của người có hành vi vi phạm pháp luật. Đoàn giám sát phải chịu trách nhiệm về yêu cầu của mình.

b. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm xem xét.

c. Thường trực HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát theo trình tự được quy định tại Khoản 4 Điều 55 của Nghị quyết 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11.

d. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi tới cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

đ. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

e. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất. Trình tự xem xét báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 55 của Quy chế ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ của Ủy ban Thường vụ khóa XI.

3. Thường trực HĐND tỉnh tự mình hoặc theo đề nghị của Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp huyện có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp.

a. Thường trực HĐND tỉnh giao cho Ban của HĐND tỉnh chuẩn bị ý kiến về văn bản quy phạm pháp luật đó để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

b. Thường trực HĐND tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự được quy định tại Khoản 3 Điều 60 của Nghị quyết 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11.

c. Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp thì Thường trực HĐND tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi văn bản và áp dụng các biện pháp cần thiết khác. Trong trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Khi nhận được khiếu nại, tố cáo của công dân, Thường trực HĐND tỉnh nghiên cứu, xem xét, chuyển đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và đôn đốc, theo dõi việc giải quyết. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho Ban của HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

5. Trường hợp Thường trực HĐND tỉnh giao cho Ban của HĐND tỉnh giám sát một số nội dung thuộc chương trình giám sát của Thường trực HĐND tỉnh:

a. Thường trực HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Ban trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo.

b. Thường trực HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Ban theo trình tự được quy định tại Khoản 2 Điều 62 của Nghị quyết 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 11.

c. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Ban tại kỳ họp gần nhất.

6. Thường trực HĐND tỉnh điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban của HĐND tỉnh theo quy định sau đây:

a. Xem xét, cho ý kiến về chương trình giám sát của các Ban;

b. Kịp thời điều chỉnh kế hoạch giám sát của các Ban, bảo đảm để hoạt động giám sát không bị trùng lặp;

c. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND tỉnh;

d. Hàng quý tổ chức họp với Trưởng ban, Phó Trưởng ban của các Ban để phối hợp hoạt động giám sát, đánh giá về tình hình và kết quả hoạt động giám sát.

đ. Tổng hợp kết quả giám sát trình HĐND tỉnh.

Điều 45.

1. Các Ban của HĐND tỉnh giúp HĐND tỉnh giám sát thông qua các hoạt động sau đây:

a. Thăm tra các báo cáo, đề án do HĐND tỉnh hoặc Thường trực HĐND tỉnh phân công;

b. Xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện trong trường hợp có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của HĐND cùng cấp;

c. Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu Ủy ban nhân dân, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp báo cáo về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

d. Tổ chức Đoàn giám sát;

e. Cử thành viên đến cơ quan, tổ chức hữu quan để xem xét, xác minh về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban;

f. Tổ chức nghiên cứu, xử lý và xem xét việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

2. Các Ban của HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát phải căn cứ vào chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến các thành viên của Ban. Chương trình giám sát hàng năm các Ban xem

xét, quyết định chậm nhất là 20 ngày Thường trực HĐND tỉnh thông qua chương trình giám sát.

Việc thành lập Đoàn Giám sát, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát do Ban quyết định.

3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh tổ chức thẩm tra báo cáo công tác của UBND, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND, TAND, VKSND cùng cấp theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Báo cáo kết quả giám sát của Ban phải được gửi đến Thường trực HĐND tỉnh, HĐND tỉnh, cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát.

5. Trong khi thi hành nhiệm vụ giám sát, khảo sát, các Ban của HĐND tỉnh có quyền yêu cầu UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, TAND, VKSND tỉnh, các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến hoạt động giám sát, khảo sát và tạo điều kiện để các Ban thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát hoặc khảo sát tình hình ở cơ sở.

6. Ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

7. Khi tiến hành các hoạt động giúp HĐND tỉnh giám sát, khảo sát, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật, các Ban của HĐND tỉnh có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm chấm dứt các hành vi vi phạm đó, đồng thời báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh để xem xét và báo cáo với HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất hoặc kỳ họp bất thường.

Chương V

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN HĐND TỈNH VỚI UBND TỈNH; UBMTTQVN TỈNH VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN; ĐOÀN ĐBQH TỈNH; CÁC BAN

CỦA HĐND; TỔ ĐẠI BIỂU, ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH VÀ VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH & HĐND TỈNH

Điều 46. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh với UBND tỉnh

Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh với UBND tỉnh là quan hệ phối hợp chặt chẽ có tác động lẫn nhau:

1. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh chuẩn bị dự kiến nội dung chương trình làm việc của kỳ họp và các báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh; đôn đốc, kiểm tra việc triển khai và tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết HĐND tỉnh trong thời gian giữa 2 kỳ họp HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với UBND tỉnh quyết định đưa ra HĐND tỉnh và cử tri bầu nhiệm đại biểu HĐND tỉnh theo đề nghị của Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh.

4. Thường trực HĐND tỉnh và đại diện lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh được mời dự trực báo hằng tuần và các cuộc họp hàng tháng, quý, sáu tháng, chín tháng, cả năm và các cuộc họp quan trọng của UBND tỉnh bàn về các chủ trương, giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng của tỉnh và các nhiệm vụ khác có liên quan đến hoạt động của HĐND tỉnh và các cuộc họp sơ kết, tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

5. Thường trực HĐND tỉnh và đại diện các Ban của HĐND tỉnh được mời tham gia ngay từ đầu các báo cáo, đề án của UBND tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh và các cuộc họp của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh về những vấn đề có liên quan.

6. UBND tỉnh được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp quan trọng khác của Thường trực HĐND tỉnh. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được mời dự các cuộc họp của Thường trực HĐND tỉnh về những vấn đề có liên quan.

7. Các Ban của HĐND tỉnh mời đại diện UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh tham dự các cuộc họp thẩm tra báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh hoặc tham gia đoàn công tác giám sát của Ban khi cần thiết. Các Ban của HĐND tỉnh gửi chương trình công tác của Ban cho UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND tỉnh biết nhằm phối hợp công tác.

Ngoài ra đại diện UBND tỉnh, Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban HĐND tỉnh khi bàn về vấn đề có liên quan.

UBND tỉnh có trách nhiệm gửi cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành để kiểm tra và giám sát theo quy định; gửi các văn bản, tờ trình, tài liệu khác của UBND tỉnh trình kỳ họp HĐND tỉnh và sao gửi các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước, các bộ, ngành TW có liên quan đến hoạt động của HĐND tỉnh nhằm cung cấp các tài liệu, thông tin cho Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh.

8. Để phối hợp chặt chẽ trong công tác, Thường trực HĐND tỉnh và lãnh đạo UBND tỉnh căn cứ quy định của Luật Tổ chức hoạt động HĐND và UBND, Quy chế hoạt động của HĐND do Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các quy định cụ thể tại Quy chế này để xây dựng và ban hành quy chế phối hợp công tác.

Điều 47. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh với UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên

Quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh và Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức thành viên của mặt trận tỉnh là quan hệ phối hợp công tác tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật.

Để tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ công tác của mình, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận tỉnh ban hành Quy chế phối hợp công tác. Trong quan hệ phối hợp công tác giữa Thường trực HĐND tỉnh với Ban Thường trực HĐND tỉnh và các thành viên của Mặt trận tỉnh thể hiện một số công việc cơ bản cụ thể sau:

1. Thường trực HĐND tỉnh tổ chức để đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh tham gia các hoạt động giám sát, kiểm tra theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với MTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên, xây dựng mối quan hệ làm việc để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

3. Phối hợp với UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên của mặt trận lấy ý kiến nhân dân tham gia đóng góp vào các dự thảo văn bản pháp luật theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và những vấn đề hệ trọng có liên quan đến đời sống nhân dân toàn tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Mỗi năm hai lần, vào giữa năm và cuối năm, Thường trực HĐND tỉnh thông báo bằng văn bản đến UBMTTQVN tỉnh về tình hình hoạt động của HĐND tỉnh và nêu những kiến nghị của HĐND tỉnh với UBMTTQVN tỉnh.

5. Trong kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh báo cáo về hoạt động của Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền và những ý kiến, nguyện vọng của nhân dân trong tỉnh với HĐND tỉnh.

6. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể nhân dân theo dõi hoạt động và giúp đỡ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ đại biểu, đôn đốc đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để báo cáo với HĐND tỉnh.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể nhân dân giải quyết việc thực hiện nhiệm vụ của đại biểu HĐND, tham gia nhận xét đề nghị khen thưởng những đại biểu có thành tích xuất sắc hoặc đề nghị bãi nhiệm những đại biểu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

8. Viện KSND, TAND tỉnh có trách nhiệm báo cáo hoạt động của mình tại các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh hoặc theo yêu cầu của Thường trực HĐND tỉnh và Ban Pháp chế của HĐND tỉnh.

9. UBMTTQVN tỉnh phối hợp với Chánh án TAND tỉnh chuẩn bị nhân sự Hội thẩm nhân dân của TAND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, bầu làm Hội thẩm nhân dân để tham gia xét xử.

10. TAND tỉnh có trách nhiệm bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi giúp các Hội thẩm nhân dân của TAND tỉnh hoàn thành tốt nhiệm vụ; đồng thời theo dõi, nhận xét hoạt động của các Hội thẩm nhân dân trong quá trình tham gia xét xử để báo cáo Thường trực HĐND và HĐND tỉnh theo quy định.

Điều 48. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh

Quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh là quan hệ phối hợp công tác có liên quan.

1. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh phối hợp công tác với Đoàn ĐBQH tỉnh trong các hoạt động tham gia xây dựng các dự án luật, pháp lệnh theo kế hoạch và hướng dẫn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; phối hợp giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân; chuyển các ý kiến, kiến nghị của cử tri lên Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành trung ương; phối hợp giám sát các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh ban hành và giám sát việc tuân thủ và chấp hành pháp luật ở địa phương; phối hợp các hoạt động giám sát của các đoàn công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội và các hoạt động khác có liên quan, nhằm tạo điều kiện cho nhau thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. Ngoài ra, Thường trực HĐND tỉnh và lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh có trách nhiệm phối hợp, chỉ đạo toàn diện các hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh phù hợp chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 49. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh với các Ban HĐND tỉnh

Trong việc điều hòa, phối hợp hoạt động của các Ban của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Phân công các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra các báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh.

2. Phân công các Ban của HĐND tỉnh tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và giám sát một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh.

3. Điều hòa, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động;

4. Yêu cầu các Ban của HĐND tỉnh xây dựng chương trình giám sát hằng năm gửi Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp trình kỳ họp HĐND tỉnh xem xét, thông qua.

5. Xem xét kết quả giám sát, tham dự các phiên họp của các Ban của HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

6. Chủ trì các cuộc họp trực báo công tác hằng tháng với Trưởng và Phó các Ban của HĐND tỉnh và lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh.

7. Khi cần thiết, mời Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc các thành viên của Ban tham gia các hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh.

8. Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Quy chế hoạt động và cụ thể hóa quan hệ công tác trong Thường trực HĐND tỉnh, giữa Thường trực HĐND tỉnh với các Ban của HĐND tỉnh; giữa các Ban của HĐND tỉnh với nhau và giữa các Ban của HĐND tỉnh với Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh để đảm bảo hoạt động của cơ quan Thường trực HĐND tỉnh có sự phân công, điều hòa, phối hợp chặt chẽ, nhằm không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh và các Ban của HĐND tỉnh trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 50. Trong việc giữ mối liên hệ với đại biểu HĐND và Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Đôn đốc các Tổ đại biểu HĐND tổ chức để đại biểu HĐND tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri; báo cáo với cử tri về hoạt động của HĐND tỉnh và việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

2. Chỉ đạo việc theo dõi, tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của đại biểu HĐND tỉnh để chuyển đến các cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết. Khi cần thiết, báo cáo với HĐND tỉnh về việc giải quyết của các cơ quan, tổ chức hữu quan đến HĐND tỉnh xem xét hoặc ra nghị quyết về việc giải quyết.

3. Chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 51. Mối quan hệ giữa Thường trực HĐND tỉnh với Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh.

1. Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh được quy định tại Nghị quyết số 545/2007/NQ-UBTVQH12 ngày 11/12/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII.

2. Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh chịu sự chỉ đạo toàn diện trực tiếp của Thường trực HĐND tỉnh và sự chỉ đạo của lãnh đạo Đoàn ĐBQH về nội dung phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH có liên quan.

Điều 52. Mối quan hệ giữa các Ban của HĐND tỉnh với Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh.

1. Văn phòng có nhiệm vụ tham mưu và tổ chức phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, Trưởng Đoàn, Phó Trưởng Đoàn ĐBQH, đại biểu quốc hội, HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh.

2. Quan hệ giữa các Ban HĐND tỉnh và Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh là quan hệ phối hợp công tác.

3. Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh có trách nhiệm quản lý các hoạt động thuộc nhiệm vụ, quyền hạn được giao cho Văn phòng; tổ chức và chỉ đạo bộ máy Văn phòng tham mưu, giúp việc cho hoạt động thuộc nhiệm vụ của Ban.

4. Chương trình kế hoạch công tác của các Ban được gửi cho Thường trực HĐND tỉnh thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh để tổng hợp và tham mưu cho Thường trực HĐND tỉnh trong việc tổ chức, phân công, điều hòa, phối hợp giữa Thường trực HĐND với các Ban cũng như hoạt động giữa các Ban với nhau để nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chuyên trách HĐND tỉnh.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh đối với các Ban của HĐND tỉnh được quy định tại Nghị quyết số 545/2007/NQ-UBTVQH₁₂ ngày 11/12/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XII.

Chương VI

**NHỮNG ĐIỀU KIỆN CẦN THIẾT CHO HOẠT ĐỘNG
CỦA HĐND TỈNH**

Điều 53.

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh do Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong ngân sách hằng năm của tỉnh, đảm bảo cho các hoạt động của HĐND tỉnh, tăng cường phương tiện, điều kiện cho đại biểu

HĐND tỉnh đề nâng cao chất lượng hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh nói chung cũng như cho đại biểu HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách.

Đầu mỗi nhiệm kỳ HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh và hoạt động của HĐND các cấp ở địa phương.

2. Thường trực HĐND tỉnh phân công việc theo dõi, chỉ đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh và kinh phí hoạt động của Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh theo quy định của Nhà nước và nghị quyết của HĐND tỉnh về chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011-2016.

Điều 54. Đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ sau:

1. Được cung cấp các báo cáo định kỳ của Thường trực HĐND, UBND tỉnh, Tờ Thông tin của HĐND tỉnh và các tài liệu khác liên quan đến hoạt động của HĐND tỉnh.

2. Mỗi tháng được cấp một khoản sinh hoạt phí bằng 0,5 hệ số lương tối thiểu theo quy định tại Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁.

3. Đại biểu HĐND tỉnh không thuộc biên chế nhà nước được cấp một thẻ BHYT hằng năm; được hưởng chế độ mai táng như công chức nhà nước khi qua đời.

Điều 55. Đại biểu HĐND tỉnh được cấp Giấy chứng nhận đại biểu HĐND do Chủ tịch HĐND tỉnh ký chứng thực. Giấy chứng nhận được sử dụng khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

Điều 56. Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng và các quy định khác của pháp luật.

Điều 57.

1. Đại biểu HĐND tỉnh là cán bộ, công chức Nhà nước vi phạm kỷ luật phải tạm đình chỉ công tác hoặc cách chức hoặc bị thôi việc thì cơ quan, đơn

vị có thẩm quyền trước khi ra quyết định kỷ luật phải thông báo bằng văn bản đến Thường trực HĐND tỉnh biết.

2. Đại biểu HĐND tỉnh là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác ra khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu, trước khi ra quyết định chuyển chuyên, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải thông báo cho Thường trực HĐND tỉnh biết để Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh và cử tri nơi bầu ra đại biểu đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND, các đại biểu HĐND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBMT tỉnh và các đoàn thể, các tổ chức, các đơn vị có liên quan; Thường trực HĐND, UBND các cấp trong toàn tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình triển khai, tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 59. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày HĐND tỉnh thông qua.

Những nội dung không nêu cụ thể trong quy chế này thì thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH₁₁ ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XI và các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành hiện hành.

Quy chế này đã được kỳ họp thứ 2 HĐND tỉnh khóa XI, nhiệm kỳ 2011-2016 thông qua ngày 18/8/2011./.